|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH HÀ TĨNH  **SỞ CÔNG THƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 9 năm 2025* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện Nghị quyết số 96/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2022-2025; đề xuất chính sách phát triển CN-TTCN giai đoạn 2026-2030**

**PHẦN I**

**Kết quả thực hiện Nghị quyết số 96/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2022-2025**

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 96/2022/NQ-HĐND về một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN) đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 96); sau gần 03 năm triển khai thực hiện trong điều kiện gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng thực tế cho thấy Nghị quyết số 96 đã đạt được những kết quả khả quan, góp phần vào phát triển CN-TTCN.

**I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KT-XH**

Trong những năm qua, tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế trong nước nói chung và Hà Tĩnh nói riêng chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu (bão, lũ, sạt lở) và đại dịch Covid-19. Trong bối cảnh đó, với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp ủy đảng, sự vào cuộc quyết liệt của chính quyền, KT-XH tỉnh nhà đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021-2025 ước đạt 6,3%. Quy mô nền kinh tế (GRDP) tăng gấp 1,5 lần[[1]](#footnote-1), GRDP bình quân đầu người từ 63,6 triệu đồng lên 91 triệu đồng; thu nhập bình quân đầu người tăng từ 38,8 triệu đồng lên 53 triệu đồng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng nông nghiệp còn 13,4%, công nghiệp - xây dựng 41,9%, dịch vụ 44,7%[[2]](#footnote-2).

Sản xuất công nghiệp tiếp tục là động lực chính của nền kinh tế, đồng thời có thêm các nhân tố mới quan trọng cho tăng trưởng. Tăng trưởng bình quân toàn ngành giai đoạn 2021-2025 đạt gần 6%; công nghiệp chế biến chế tạo chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nội ngành. Các sản phẩm công nghiệp chủ lực đóng góp quan trọng trong nền kinh tế. Tập trung tháo gỡ vướng mắc, xúc tiến đầu tư, khởi công, hoàn thành một số dự án công nghiệp lớn, tạo động lực phát triển mới; bước đầu hình thành tổ hợp sản xuất quy mô lớn mang tầm khu vực tại Khu kinh tế Vũng Áng.

Bên cạnh các dự án lớn, dự án trọng điểm, thời gian qua vai trò và sự đóng góp về số lượng, giá trị sản xuất của các dự án, cơ sở CN-TTCN trong các cụm công nghiệp (CCN) ngày càng lớn. Công tác khuyến công cũng đã đạt được những kết quả khả quan, góp phần phát hiện, khuyến khích các công ty, cơ sở sản xuất CN-TTCN nhỏ và siêu nhỏ mở rộng sản xuất, cải tiến máy móc, thiết bị, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất. Công nghiệp hỗ trợ bắt đầu có những dấu hiệu chuyển biến theo hướng tích cực.

**II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 96**

**1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện**

***1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai và thể chế hóa Nghị quyết***

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 14/02/2023, trong đó giao Sở Công Thương và các sở, ngành, địa phương thực hiện Nghị quyết trên cơ sở chức năng nhiệm vụ chuyên ngành.

- UBND tỉnh ban hành Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch khuyến công địa phương hằng năm; Quy định, trình tự, thủ tục hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách của HĐND tỉnh.

- Ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, đôn đốc UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai thực hiện các nội dung liên quan, đề xuất các công trình, dự án thuộc đối tượng hưởng chính sách tại Nghị quyết số 96.

- UBND tỉnh ban hành Văn bản số 1209/UBND-KT1 ngày 05/3/2021 về triển khai thực hiện Chỉ thị của Bộ Công Thương về đẩy mạnh hoạt động khuyến công giai đoạn 2021-2025; văn bản số 3903/UBND-KT1 ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh về việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động khuyến công.

- Chỉ đạo Xây dựng Đề án phát triển CNHT tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030 và những năm tiếp theo đưa vào chương trình khung nhiệm vụ năm 2025.

***1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết***

- Tổ chức Hội nghị phổ biến, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết vào ngày 29/3/2023 với thành phần tham gia rộng rãi, gồm: đại diện các sở, ngành; lãnh đạo và cán bộ chuyên môn UBND cấp huyện; các chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN và đại diện các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực CN-TTCN.

- Chỉ đạo tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, lồng ghép dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng đến tận các đối tượng.

- Tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về phát triển CNHT, khuyến công, CCN cho các cơ sở sản xuất, cán bộ địa phương tại các địa phương trên địa bàn.

**2. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 96 đến năm 2025**

**2.1. Về giải ngân chính sách hỗ trợ phát triển CCN**

Sau khi Nghị quyết có hiệu lực, qua đề xuất của các địa phương, khảo sát thực tế, liên ngành Công Thương - Tài chính, UBND tỉnh thống nhất danh mục công trình sử dụng nguồn hỗ trợ từ Nghị quyết số 96/2022/HĐND tại Văn bản 4050/UBND-KT1 ngày 4/8/2023 về thực hiện một số nội dung liên quan đến các dự án dự kiến sử dụng nguồn vốn chính sách phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp cho 07 công trình, dự án trong đó 02 dự án trả nợ, 01 dự án chuyển tiếp và 04 dự án khởi công mới với tổng dự toán 210 tỷ đồng/3 năm (2023-2025).

- Năm 2023, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1916/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 bố trí vốn trả nợ cho Đường trục chính cụm công nghiệp Yên Huy, huyện Can Lộc, số tiền 2,583 tỷ đồng và Hạ tầng giao thông kết nối trong và ngoài hàng rào cụm công nghiệp Cổng Khánh 1, thị xã Hồng Lĩnh, số tiền 2,500 tỷ đồng, *giải ngân 100%.*

- Năm 2024, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1677/QĐ-UBND ngày 09/7/2024 giao bổ sung kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2024, bố trí số tiền 20 tỷ đồng cho Dự án hạ tầng CCN Nam Hồng, *giải ngân 4.04 tỷ đồng, đạt 20%.*

- Năm 2025, đã được HĐND tỉnh bổ sung kế hoạch vốn thực hiện chính sách cho 04 dự án với tổng số tiền là 54,1 tỷ đồng (Nghị quyết số 251/NQ-HĐND ngày 27/6/2025); Ngày 28/8/2025 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2164/QĐ-UBND bổ sung, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 cho 4 dự án với tổng số tiền là **54.149 triệu đồng** (*dự kiến giải ngân 100%)* gồm:

(1) Dự án hạ tầng kỹ thuật CCN Nam Hồng (Chủ đầu tư BQLDA ĐTXD công trình giao thông và phát triển đô thị (Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 11/8/2025)) số tiền: 19.955 triệu đồng.

(2) Dự án đường nối đường gom QL15B đi CCN Cẩm Nhượng (Chủ đầu tư BQLDA ĐTXD Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh (Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 30/6/2025)) số tiền: 19.524 triệu đồng.

(3) Dự án đường giao thông từ đường HCM vào CCN Gia phố (Chủ đầu tư BQLDA ĐTXD Dân dụng và Hạ tầng khu vực tỉnh (Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 30/6/2025)) số tiền: 10.600 triệu đồng.

(4) Dự án tuyến đường giao thông nội cụm 1, CCN Trung lương (Chủ đầu tư BQLDA ĐTXD công trình giao thông và phát triển đô thị (Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 11/8/2025)) số tiền: 8.070 triệu đồng.

Như vậy, tổng hợp cả giai đoạn đến năm 2025, tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ thực hiện chính sách phát triển cụm công nghiệp là 79,2 tỷ đồng (*dự kiến giải ngân đạt 80%)* trong đó: có 02 công trình đã hoàn thành việc giải ngân vốn từ chính sách theo Nghị quyết số 96 và 04 công trình khởi công đầu tư mới, cụ thể:

a) Hỗ trợ theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 96 (Kết nối đến ranh giới CCN): Hỗ trợ 5 công trình dự án, tổng số tiền là 35.207 triệu đồng.

b) Hỗ trợ theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 96 (hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CCN): Hỗ trợ 02 CCN, tổng số tiền là 44.025 triệu đồng.

c) Hỗ trợ CCN do Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng: 0 đồng.

**2.2. Chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ**

- Tổ chức 01 Hội thảo Đề án phát triển Công nghiệp hỗ trợ tỉnh Hà Tĩnh.

- Trong giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh chưa có đơn vị nào nộp hồ sơ đề xuất và được xác nhận ưu đãi đối với các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp các ngành xây dựng Đề án phát triển CNHT, để trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt, làm căn cứ thu hút đầu tư trong lĩnh vực CNHT và hỗ trợ phát triển CNHT trên địa bàn tỉnh (dự kiến cuối tháng 9/2025).

**2.3. Chính sách khuyến công**

Trong thời gian qua, hoạt động khuyến công trên địa bàn Hà Tĩnh đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần quan trọng trong việc hỗ trợ, khuyến khích các cơ sở công nghiệp nông thôn (CNNT) đầu tư trang thiết bị, mở rộng sản xuất, xây dựng và phát triển nhãn hiệu…thu hút các nguồn lực xã hội hoá đầu tư vào khu vực nông thôn; thúc đẩy tăng trưởng ngành công nghiệp nói chung và CNNT nói riêng, góp phần quan trọng trong chuyển dịch kinh tế của địa phương trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Nhiều cơ sở CNNT sau khi được hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công đã không ngừng phát triển và từng bước tạo dựng, khẳng định được thương hiệu trên thị trường.

Giai đoạn đến năm 2025, đã triển khai hỗ trợ thực hiện 37 đề án/kế hoạch với tổng kinh phí khuyến công hỗ trợ thực hiện là 5.093 triệu đồng[[3]](#footnote-3), trong đó có 19 cơ sở CNNT được trực tiếp thụ hưởng chính sách khuyến công (hỗ trợ trực tiếp cho cơ sở) với kinh phí là 3.584 triệu đồng và nguồn vốn tự có (đối ứng) để thực hiện của các cơ sở công nghiệp nông thôn là 24.874 triệu đồng, cụ thể gồm các nội dung sau:

- Hỗ trợ cơ sở CNNT tham gia 02 hội chợ, triển lãm trong nước, với kinh phí thực hiện 100 triệu đồng.

- Hỗ trợ in ấn, dán nhãn logo của chương trình bình chọn cho những sản phẩm đạt giải SPCNNTTB cấp tỉnh năm 2023 cho 33 cơ sở (in ấn năm 2024), với tổng kinh phí thực hiện là 69 triệu đồng.

- Tổ chức 03 đợt đào tạo, tập huấn về khởi sự doanh nghiệp và xây dựng thương hiệu; chuyển đổi số*,* với tổng kinh phí thực hiện là 200 triệu đồng với số lượng học viên tham dự là 600 người.

- Xây dựng 01 phóng sự về đánh giá kết quả hoạt động khuyến công giai đoạn 2021 - 2025, với tổng kinh phí đã thực hiện 29 triệu đồng *(dự kiến xây dựng phóng sự vào cuối năm 2025 để phục vụ Hội nghị tổng kết hoạt động khuyến công giai đoạn 2021-2025).*

- Tổ chức 01 hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công giai đoạn 2021-2025, với tổng kinh phí thực hiện là 50 triệu đồng *(dự kiến tổ chức vào cuối năm 2025).*

- Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất CN-TTCN: Đây là nội dung quan trọng trong hoạt động khuyến công thời gian qua được tổ chức thực hiện, nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh cho các cơ sở CNNT, phù hợp với quy mô các cơ sở CNNT tại địa phương và tình hình thực tiễn.

Đã hỗ trợ thực hiện 13 đề án về ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến với tổng kinh phí hỗ trợ là 3.214 triệu đồng *(dự kiến năm 2025 hỗ trợ 05 đề án với tổng kinh phí hỗ trợ là 1.160 triệu đồng).*

- Hỗ trợ tổ chức bình chọn, cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (CNNTTB) cấp tỉnh và tham gia bình chọn cấp khu vực, cấp quốc gia: Công tác hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn có vai trò quan trọng động viên, khích lệ các cơ sở CNNT trong phát triển sản xuất, mở rộng thị trường.

Do đó, thời gian qua đã tổ chức 02 cuộc bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp tỉnh (các năm 2023, 2025); thông qua các cuộc bình chọn có 79 lượt sản phẩm/nhóm sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; tham gia 01 cuộc bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp khu vực (2024), với tổng số 14 sản phẩm/nhóm sản phẩm được công nhận; tham gia 02 cuộc bình chọn sản phẩm CNTTB cấp quốc gia (các năm 2023, 2025), với tổng số 04 sản phẩm/nhóm sản phẩm được công nhận. Tổng kinh phí thực hiệnhỗ trợ tổ chức bình chọn, cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh và tham gia bình chọn cấp khu vực, cấp quốc gia là 819 triệu đồng.

- Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn: Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu cho 05 cơ sở với tổng kinh phí thực hiện là 150 triệu đồng.

- Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn: Hỗ trợ thực hiện 01 đề án xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường cho cơ sở công nghiệp nông thôn với tổng kinh phí hỗ trợ là 220 triệu đồng.

Chi quản lý chương trình đề án khuyến công: Tổ chức 6 lượt đoàn công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chương trình, đề án khuyến công, với tổng kinh phí thực hiện là 242 triệu đồng.

*(chi tiết kết quả thực hiện Nghị quyết số 96 xem phụ lục 1 đính kèm)*

**III. HIỆU QUẢ TỪ CHÍNH SÁCH NGHỊ QUYẾT 96**

Mặc dù thời hiệu Nghị quyết số 96 ngắn, tuy nhiên sau 03 năm thực hiện cho thấy, hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn có nhiều chuyển biến tích cực.

Tốc độ tăng trưởng Công nghiệp trong GRDP từ -11,7% năm 2022 tăng lên 13,14% năm 2025 (dự ước); Công nghiệp chuyển dịch từ 33% (2022) lên 33,6% năm 2025 trong cơ cấu kinh tế tỉnh nhà.

Nhiều nhà đầu tư tìm hiểu vào lĩnh vực đầu tư hạ tầng CCN, có 10 CCN đã/đang được nhà đầu tư đăng ký làm chủ đầu tư hạ tầng gồm Lâm Hợp (đã thành lập tháng 7/2025), Cổng Khánh 3, Lạc Thiện, Xuân Mỹ, Đồng Khang, Kỳ tân, Hương Long, An Thịnh...

Các CCN trên địa bàn qua 03 năm đã thu hút được 68 dự án thứ cấp, nâng tổng vốn đăng ký đầu tư của các dự án trong các CCN từ 5.266 tỷ đồng (năm 2022) lên 6.205 tỷ đồng (30/6/2025); tỉ lệ lập đầy từ 51% (năm 2022) lên 58% (năm 2025).

Đặc biệt, CCN Cổng khánh 1, sau khi sử dụng nguồn từ Nghị quyết số 96 để bố trí đầu tư Đường và cầu kết nối từ QL.1 đoạn tránh Thị xã Hồng Lĩnh (cũ), Công ty CP đầu tư IDI đã khẩn trương hoàn thiện hạ tầng và hiện đã thu hút được 7 dự án thứ cấp vào cụm.

Hoạt động CNHT được nâng tầm khi các dự án cell pin, pack pin, nhà máy xe điện đi vào hoạt động. Nhiều dự án sản xuất CNHT đang tìm hiểu đầu tư vào KKT Vũng Áng.

Chính sách khuyến công đã được triển khai tích cực, chủ động, đi vào thực chất, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, hiệu quả kinh tế và môi trường, đặc biệt làm thay đổi nhận thức của chủ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trong phát triển CN-TTCN. Nội dung hỗ trợ phù hợp với nhu cầu, khả năng tiếp nhận của đối tượng thụ hưởng, góp phần giảm bớt khó khăn trong việc đầu tư phát triển sản xuất ban đầu của một số doanh nghiệp, cơ sở đặc biệt đối với các đơn vị bắt đầu lập nghiệp. Các nội dung hỗ trợ khuyến công được nhiều cơ sở, doanh nghiệp sản xuất CN-TTCN đánh giá cao, tạo động lực để các cơ sở phát triển sản xuất, đầu tư mới máy móc thiết bị tiên tiến, mở rộng quy mô và phát triển thương hiệu. Mức hỗ trợ đối với từng đề án đã thể hiện sự đồng hành của Nhà nước đối với cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, là nguồn động viên kịp thời, bước đầu đối với các chủ đầu tư, các doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, sử dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến, góp phần phát triển công nghiệp nông thôn trên địa bàn, tạo việc làm, phát huy lợi thế địa phương và phát triển bền vững.

**IV. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN**

**1. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc**

*a) Về hỗ trợ CCN*

- Công tác giải phóng mặt bằng, xác định giá đất, giao đất cho thuê đất đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng CCN còn mất nhiều thời gian, ảnh hưởng tới tiến độ, hiệu quả đầu tư của các dự án nên nhiều dự án chưa đủ điều kiện hoàn thành để đề xuất hỗ trợ.

- Quy trình, thủ tục đầu tư công còn nhiều bước, thời gian thực hiện kéo dài… theo quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó thời gian thực hiện của Nghị quyết ngắn (mới gần 3 năm).

*b) Về CNHT*

Các ngành CNHT trên địa bàn chưa thực sự phát triển, một số dự án đang triển khai vì vậy chưa có hồ sơ đề xuất hỗ trợ lĩnh vực này.

*c) Về khuyến công*

- Các cơ sở sản xuất CN-TTCN trên địa bàn (ngoại trừ các dự án FDI) hầu hết là quy mô nhỏ, siêu nhỏ trình độ về quản lý, xác định chiến lược còn hạn chế dẫn tới chưa mạnh dạn đầu tư đổi mới, cải tiến, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

- Một số nội dung có mức hỗ trợ còn thấp so với các chính sách khác (nông thôn mới; khoa học công nghệ) vì vậy chưa thực sự tạo động lực cho các cơ sở sản xuất CN-TTCN tiếp cận để cải tiến, đổi mới máy móc, thiết bị, mở rộng quy mô. Các cơ sở chưa thực sự mặn mà với chính sách.

**2. Nguyên nhân**

***2.2. Nguyên nhân khách quan***

- Hà Tĩnh có vị trí địa lý xa các trung tâm công nghiệp, đô thị lớn, điều kiện thời tiết, khí hậu khắc nghiệt.. ảnh hưởng tới thu hút đầu tư.

- Tình hình kinh tế, chính trị thế giới có những biến đổi nhanh, khó lường và ngày càng phức tạp; đại dịch Covid-19; chiến tranh thương mại; chiến tranh Nga - Uckraina,; chiến tranh các nước khu vực Trung đông… đã ảnh hưởng đến thị trường xuất khẩu cũng như thị trường nội địa, làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, tá động đến giá cả các yếu tố đầu vào cho sản xuất ảnh hưởng đến huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là thu hút đầu tư.

- Các ngành CNHT đặc biệt là công nghiệp sau thép, chưa thực sự phát triển. Một số KCN, CCN chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý đã để lỡ cơ hội đầu tư của các nhà đầu tư thứ cấp.

- Công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp có sự phát triển nhưng thị trường tiêu thụ các sản phẩm không ổn định, hàm lượng khoa học ít, chất lượng còn hạn chế khó cạnh tranh với các sản phẩm của các tỉnh, thành phố và các nước trong khu vực; việc tham gia vào chuỗi cung ứng giá trị sản xuất với các trung tâm lớn còn nhiều hạn chế.

***2.2. Nguyên nhân chủ quan***

- Trình tự, thủ tục để được hưởng chính sách còn nhiều bước, mất nhiều thời gian dẫn tới khả năng tiếp cận chính sách của các đơn vị còn hạn chế.

- Sự đôn đốc, chỉ đạo, sự vào cuộc của một số ngành, địa phương thiếu quyết liệt, điều hành chưa cụ thể, sâu sát. Việc cụ thể hóa các quy định về đầu tư và triển khai các chính sách ưu đãi đầu tư của các ngành liên quan chậm và thiếu chủ động; việc nắm bắt, giải quyết các vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp có lúc chưa kịp thời; việc giải phóng mặt bằng còn trì trệ, kéo dài gây cản trở, mất cơ hội của nhà đầu tư.

- Một số địa phương chưa thật sự quan tâm phát triển công nghiệp, đặc biệt trong việc huy động các nguồn lực đầu tư hạ tầng, thu hút các dự án đầu tư phát triển công nghiệp.

- Công tác cải cách hành chính chậm, thủ tục hành chính lĩnh, văn bản pháp lý về đầu tư, thành lập CCN, xây dựng, đất đai còn nhiều bất cập; thời gian giải quyết thủ tục đầu tư kéo dài, quy định chưa phù hợp thực tiễn.

**IV. GIẢI PHÁP**

Thực hiện Kết luận số 57/KL-TU ngày 07/10/2022 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 18/7/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVIII) về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (CN, TTCN) đến năm 2025 và những năm tiếp theo. Hiện nay, Nghị quyết số 96/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh về chính sách phát triển CN, TTCN đến năm 2025, như vậy đến hết năm 2025, Nghị quyết này sẽ hết hiệu lực thi hành.

Giai đoạn 2026-2030 với nhu cầu và động lực phát triển CN, TTCN mạnh mẽ hơn, nhằm đáp ứng định hướng phát triển KT-XH của tỉnh, phấn đấu tăng trưởng 02 con số.

Thực tế trên địa bàn tỉnh có nhiều dự án công nghiệp; các KCN, CCN được quy hoạch và đầu tư mới, là tiềm năng lớn cho phát triển CN, TTCN trong thời gian tới, nhằm tăng cường phát triển CN-TTCN trong thời gian tới, đặc biệt để đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển công nghiệp là 1 trong 4 trụ cột của nền kinh tế, Hà Tĩnh cần ban hành chính sách kịp thời để đảm bảo hỗ trợ liên tục, hấp dẫn nhằm thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp.

Đồng thời việc tiếp tục ban hành chính sách phát triển CN, TTCN tạo động lực cho kinh tế tư nhân phát triển theo tinh thần Nghị Quyết 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Do vậy, việc duy trì và hướng đến nâng tầm chính sách hỗ trợ phát triển CN, TTCN giai đoạn 2026-2030 là cần thiết góp phần thực hiện hiệu quả các Nghị quyết về phát triển KT-XH của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022.

Qua nghiên cứu thực tiễn Hà Tĩnh và đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 96 UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết một số chính sách phát triển CN-TTCN giai đoạn 2026-2030.

**PHẦN II**

**Nghiên cứu đề xuất nội dung, mức hỗ trợ chính sách phát triển CN-TTCN giai đoạn 2026-2030**

**I. Nội dung chính:** Nội dungchính sách phát triển CN-TTCN giai đoạn 2026-2030 giữ nguyên như Nghị quyết số 96, được chia làm 3 phần chính gồm:

1. Chính sách phát triển cụm công nghiệp;

2. Chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ;

3. Chính sách khuyến công.

**II. Nguyên tắc:**

1.Kế thừa những nội dung có tính hiệu quả, cần thiết đã quy định tại Nghị quyết số 96 để phát triển CN-TTCN trên địa bàn.

2. Nghiên cứu các nội dung chính sách mới, cụ thể: Nghị quyết số 68/NQ-TW về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị định số 32/2024/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 205/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ; Nghị định số 235/2025/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công.

3. Nghiên cứu các quy định mới khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp để quy định để quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục.

4. Quy định đối tượng hưởng chính sách có tính chất chuyển tiếp giữa 2 Nghị quyết số 96 và dự thảo Nghị quyết lần này.

**III. Nội dung và mức hỗ trợ đối với chính sách phát triển cụm công nghiệp, có 05 nội dung:**

**1. Nhà nước bố trí kinh phí đầu tư công trình hạ tầng** (giao thông, cấp nước, thoát nước) kết nối đến ranh giới CCN:

Đề xuất tiếp tục thực hiện.

Lí do: Đây là các công trình cần thiết để đảm bảo kết nối cho các CCN khi đi vào đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động. Hiện nay việc thành lập mới các CCN thì chủ đầu tư là các DN/HTX theo hình thức xã hội hóa.

Để thu hút nguồn vốn ngoài nhà nước, cần đáp ứng các yêu cầu thiết yếu đến ranh giới CCN cho các dự án trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản và khi CCN đi vào hoạt động, trong đó hệ thống giao thông kết nối (đường gom, nút giao) cấp nước, thoát nước…

Thực tế nhiều CCN quy hoạch ở những vị trí ít lợi thế (vùng sâu, vùng xa), không gần khu dân cư, không bám trục giao thông chính, vì vậy cần dành nguồn lực của ngân sách để đầu tư các công trình này.

**2. CCN do ngân sách đầu tư dở dang tiếp tục bố trí kinh phí hoàn thiện hạ tầng trong đó ưu tiên hệ thống bảo vệ môi trường theo Luật BVMT**:

Hà Tĩnh hiện có 12 CCN do Ngân sách đầu tư dở dang, trong đó:

Có 03 CCN đã cơ bản đáp ứng yêu cầu đặc biệt là hệ thống BVMT gồm Thạch kim, Nam Hồng và Bắc Cẩm Xuyên (Nam Hồng, Bắc Cẩm xuyên đang đầu tư).

Còn 09 CCN còn lại là CCN đã có dự án thứ cấp, vẫn còn quỹ đất, cần cấp thiết hoàn thiện hệ thống BVMT để thu hút dự án thứ cấp.

Trong điều kiện khó chuyển giao các CCN cho DN/HTX theo hình thức xã hội hóa, do quỹ đất còn lại manh mún, nhỏ lẻ hoặc nằm ở vùng khó thu hút dự án thứ cấp vào cụm.

Vì vậy đề xuất tiếp tục bố trí ngân sách để thực hiện hoàn thiện hạ tầng cho các CCN này đặc biệt hệ thống bảo vệ môi trường.

**3. CCN giao DN/HTX làm chủ đầu tư hạ tầng, có 02 nội dung hỗ trợ:**

***3.1. Hỗ trợ CCN giao DN/HTX làm chủ đầu tư hạ tầng***:

Đề xuất giữ nguyên như Nghị quyết số 96 để tạo sức hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư, tạo mặt bằng cho sản xuất công nghiệp.

***3.2. Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết***:

- Cơ sở pháp lý đề xuất: Theo Điều 27 Nghị định 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN.

- Định mức: Theo định mức tại bảng 6, Thông tư số 17/2025 của Bộ Xây dựng, dưới 5ha thì 326 triệu đồng; 10ha thì 479 triệu đồng; 20ha thì 783 triệu đồng; 30ha thì 914 triệu đồng; 50ha thì 1.088 triệu đồng; 75ha thì 1.306 triệu đồng.

- Thực tiễn Hà Tĩnh quy hoạch 45 CCN, tổng gần 1.900ha; bình quân 40ha/1CCN.

- Đề xuất: mức hỗ trợ **01 tỷ đồng/01 quy hoạch** CCN (tương đương định mức bình quân diện tích thực tiễn QH của Hà Tĩnh).

**4. Hỗ trợ cho các dự án vào sản xuất trong cụm:**

- Cơ sở pháp lý đề xuất: Theo mục 3, tiểu mục 3.1, Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân “Nhà nước có chính sách giảm tối thiểu 30% tiền thuê lại đất cho các đối tượng này trong vòng 5 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất. Khoản tiền thuê đất được giảm được hoàn trả cho chủ đầu tư thông qua việc khấu trừ tiền thuê đất mà chủ đầu tư phải nộp theo quy định của pháp luật…”

- Thực tiễn: Tham khảo giá cho thuê lại đất có hạ tầng ở KCN, CCN đã đi vào hoạt động trên địa bàn cho thấy mức hỗ trợ 30% đơn giá tại các CCN đã đi vào hoạt động ở KCN Phú Vinh cho cả vòng đời dự án (50 năm - thời gian đầu tư XDCB) khoảng 1,3->1,4 tỷ đồng/m2; Cổng khánh 1 khoảng 700-800 triệu đồng/m2; Thái Yên, huyện Đức Thọ và Kỳ Hưng khoảng 1->1,3 tỷ đồng/m2, tương đương khoảng từ 230->450 triệu đồng.

-Đề xuất: 30% tiền thuê lại đất cho các đối tượng này trong vòng 5 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất mức hỗ trợ **300 triệu đồng/dự án** thứ cấp vào CCN.

**5. Chuyển đổi số**

Chuyển đổi số là nhu cầu tất yếu trong xu thế hiện nay Đề xuất sử dụng nguồn sự nghiệp, mức chi theo thực tiễn, có thể giao Sở Công Thương thực hiện hoặc thuê tư vấn, ưu tiên các CCN do ngân sách đầu tư dở dang, để xúc tiến đầu tư, thu hút dự án thứ cấp, tăng tỉ lệ lấp đầy CCN.

Khái toán dự kiến số hóa sơ bộ ban đầu 100 triệu đồng/01 CCN.

**IV. Nội dung và mức hỗ trợ đối với chính sách phát triển CNHT**

Đề xuất giữ nguyên như Nghị quyết số 96.

Lí do: Giai đoạn 2022-2025 có chính sách hỗ trợ phát triển CNHT tuy nhiên không có hồ sơ đề xuất hỗ trợ, tuy nhiên giai đoạn 2026 - 2030, CNHT Hà Tĩnh có lợi thế hơn nhiều so với giai đoạn 2021 - 2025 do vậy cần duy trì chính sách để hỗ trợ phát triển, cụ thể:

Hiện nay, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 111/2015/NĐ - CP về công nghiệp hỗ trợ, trong đó có hai nội dung sửa đổi ảnh hưởng lớn đến ngành CNHT Hà Tĩnh, như sau:

Về tên gọi: CNHT theo Nghị định số 205/2025/NĐ-CP, bổ sung việc gia công đối với sản phẩm CNHT: “Công nghiệp hỗ trợ là các ngành công nghiệp sản xuất, gia công nguyên liệu, phụ liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.”. Điều này góp phần tăng thêm các cơ sở sản xuất gia công sản phẩm CNHT trên địa bàn tỉnh trong các lĩnh vực như cơ khí, sợi, dệt may.

Về danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển: Tại nhóm Linh kiện điện - điện tử thuộc ngành lắp ráp ô tô: Sản phẩm Pin thay thế sản phẩm ắc quy tại Nghị định 111/2015/NĐ - CP: Đây là lợi thế lớn do các sản phẩm pin của tập đoàn Vingroup đã đi hoạt động.

Cơ sở thực tế: Hà Tĩnh có cơ hội hình thành chuỗi sản xuất cho các sản phẩm CNHT khi NM ô tô điện ra đời, các nhà máy sản xuất pin, nhà máy sản xuất ô tô tại KKT Vũng áng của tập đoàn Vingroup đã đi hoạt động; lợi thế có nhà máy thép FHS, đặc biệt là thép hình có hợp kim SS400, SS540 thuộc danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển trong nước đã sản xuất được (Phụ lục II, ban hành kèm theo Nghị định 205/2025/NĐ-CP).

Các chuỗi sản phẩm CNHT sẽ sớm hình thành và cần có chính sách để ưu tiên phát triển.

**V. Nội dung và mức hỗ trợ đối với chính sách khuyến công**

**1. Đối tượng hỗ trợ**: bổ sung, sửa đổi theo quy định Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công.

**2.** **Có 05 nội dung đề xuất điều chỉnh và bổ sung** **so với Nghị quyết số 96**:

Tất cả nội dung đề xuất bổ sung căn cứ theo Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/3/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công, cụ thể:

2.1. Bổ sung Hỗ trợ tổ chức bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp xã.

Lý do đề xuất: Nghị quyết số 96 không quy định hỗ trợ tổ chức bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp huyện, nay đề xuất bổ sung nội dung hỗ trợ tổ chức bình chọn cấp xã để đề xuất bình chọn cấp tỉnh, đồng thời phù hợp với việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

2.2. Bổ sung Hỗ trợ phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp quốc gia, cấp tỉnh.

Lý do đề xuất: Nội dung này nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo sức hấp dẫn cho cơ sở có sản phẩm đạt giải sản phẩm CNNTTB đồng thời góp phần quảng bá và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm và đáp ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 6 và khoản 21 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

2.3. Bổ sung Hỗ trợ cho các tổ chức tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công tham gia hội chợ triển lãm trong nước.

Lý do đề xuất: Nội dung này nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn và đáp ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 6 và khoản 5 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

2.4. Bổ sung Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác về phát triển công thương.

Lý do đề xuất: Nội dung này nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn và đáp ứng theo quy định tại khoản 6 Điều 6 và khoản 11 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC.

2.5. Điều chỉnh tăng mức hỗ trợ đối với nội dung chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới: mức hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá ***900 triệu đồng/mô hình[[4]](#footnote-4).***

Lý do đề xuất: Nội dung này nhằm phù hợp với tình hình thực tiễn, tạo sức hấp dẫn cho cơ sở xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật và đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 28/2018/TT-BTC (mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 1.000 triệu đồng/mô hình) và phù hợp với Quyết định số 4371/QĐ-BCT ngày 23/11/2018 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt mức hỗ trợ kinh phí khuyến công quốc gia.

**3. Có 05 nội dung hỗ trợ tại Nghị quyết số 96, nay đề xuất bỏ ra khỏi khung chính sách**

3.1. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp.

Lý do: Nội dung này cũng tập trung hỗ trợ mua sắm máy móc thiết bị; mặt khác hiện nay chương trình sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đang được thay thế bằng các chiến lược toàn diện hơn, tập trung vào công nghệ, bền vững và được hỗ trợ ở nhiều chính sách khác nên có sự trùng lặp.

3.2. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn.

Lý do: Hiện nay, nội dung hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đã được quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 95/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND tỉnh về một số chính sách phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025, do vậy việc không đưa nội dung này để tránh trùng lặp chính sách hỗ trợ. Ngoài ra, việc cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu của Cục Sở hữu trí tuệ thường mất từ 01 - 03 năm tính từ thời điểm nộp đơn; do vậy việc thẩm định đề án hỗ trợ nội dung này mất nhiều thời gian.

3.3. Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn lập báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

Lý do: Nghị định số 235/2025/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công và Thông tư số 28/2018/TT-BTC không quy định cụ thể nội dung hỗ trợ này.

3.4. Hỗ trợ 30% chi phí thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh nhưng tối đa 50 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp tỉnh.

Lý do: xét thực tiễn trong giai đoạn 2022-2025 không có đơn vị, địa phương nào đăng ký hỗ trợ nội dung này. Nghị định số 235/2025/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công không quy định nội dung hỗ trợ này.

3.5. Hỗ trợ 50% chi phí lập quy hoạch chi tiết CCN.

Lý do: Nghị định số 235/2025/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP về khuyến công không quy định nội dung hỗ trợ này.

*(chi tiết xem phụ lục 2 kèm theo)*

**SỞ CÔNG THƯƠNG HÀ TĨNH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phụ lục 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CN-TTCN GIAI ĐOẠN 2021-2025** | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  | ***ĐVT triệu đồng*** | | |  |
| **TT** | **Nội dung hỗ trợ** | **Tổng giai đoạn  2021-2025** | **NQ86** | | **NQ96** | | | | **Ghi chú** |
| **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Năm 2024** | **Năm 2025** | **Cộng NQ96** |
|  | **TỔNG CỘNG I+II+III** | **106.429** | **21.577** | **527** | **6.853** | **21.523** | **55.949** | **84.325** |  |
| **I** | **CHÍNH SÁCH CỤM CÔNG NGHIỆP** | **100.232** | **21.000** | **0** | **5.083** | **20.000** | **54.149** | **79.232** |  |
| **a** | **Kinh phí đầu tư hạ tầng kết nối đến ranh giới CCN** | **56.207** | **21.000** | **0** | **5.083** | **0** | **30.124** | **35.207** |  |
| 1 | Giao thông kết nối CCN Cổng khánh 1 | 17.500 | 15.000 |  | 2.500 |  |  | 2.500 |  |
| 2 | Giao thông kết nối CCN Yên Huy | 7.583 | 5.000 |  | 2.583 |  |  | 2.583 |  |
| 3 | Nắn dòng khe cò - CCN khè cò | 1.000 | 1.000 |  |  |  |  | 0 |  |
| 4 | Đường nối đường gom QL 15B đi CCN Cẩm Nhượng | 19.524 |  |  |  |  | 19.524 | 19.524 |  |
| 5 | Đường giao thông từ đường HCM vào CCN Gia Phố | 10.600 |  |  |  |  | 10.600 | 10.600 |  |
| **b** | **Hoàn thiện hạ tầng CCN** | **44.025** | **0** | **0** | **0** | **20.000** | **24.025** | **44.025** |  |
| 1 | Hạ tầng kỹ thuật CCN Nam Hồng | 35.955 |  |  |  | 20.000 | 15.955 | 35.955 | *Năm 2024 bố trí 20 tỷ đồng, giải ngân đạt 4 tỷ đồng* |
| 2 | Tuyến đường giao thông nội cụm số 1 CCN Trung lương | 8.070 |  |  |  |  | 8.070 | 8.070 |  |
| **c** | **Hỗ trợ CCN do DN làm chủ đầu tư** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |  |
| **II** | **CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |  |
| 1 | Hỗ trợ chuyển giao công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực CNHT |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Hỗ trợ tuyên truyền, quảng bá, đăng ký thương hiệu |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Khảo sát, cập nhật và xây dựng CSDL |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Chi tập huấn, hội nghị, hội thảo về CNHT |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **CHÍNH SÁCH KHUYẾN CÔNG** | **6.197** | **577** | **527** | **1.770** | **1.523** | **1.800** | **5.093** |  |
| 1 | Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào sản xuất CN - TTCN | 3.214 | - | - | 900 | 1.154 | 1.160 | **3.214** |  |
| 2 | Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn | 220 | - | - | 220 | - | - | **220** |  |
| 3 | Hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn | 270 | 60 | 60 | 60 | 60 | 30 | **150** |  |
| 4 | Hỗ trợ đào tạo, tập huấn về khởi sự doanh nghiệp và xây dựng thương hiệu; chuyển đổi số | 377 | 37 | 140 | 40 | 80 | 80 | **200** |  |
| 5 | Hỗ trợ cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm trong nước | 205 | - | 105 | 50 | 50 | - | **100** |  |
| 6 | Hỗ trợ tổ chức bình chọn, cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh và tham gia bình chọn cấp khu vực, cấp quốc gia: | 1.281 | 440 | 21,5 | 419 | 30 | 370 | **819** |  |
| 7 | Hỗ trợ in ấn, dán nhãn logo của chương trình bình chọn cho những sản phẩm đạt giải SPCNNTTB cấp tỉnh | 164 | - | 95 | - | 69 | - | **69** |  |
| 8 | Xây dựng phóng sự về đánh giá kết quả hoạt động khuyến công | 74 | - | 45 | - | - | 29 | **29** |  |
| 9 | Tổ chức 01 hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công giai đoạn 2021-2025 | 50 | - | - | - | - | 50 | **50** |  |
| 10 | Chi quản lý chương trình đề án khuyến công | 342 | 40 | 60 | 81 | 80 | 81 | **242** |  |

1. Quy mô kinh tế (GRDP) năm 2020 đạt 81.000 tỷ đồng, năm 2025 ước đạt 124.000 tỷ đồng (tăng 43.000 tỷ đồng) [↑](#footnote-ref-1)
2. Cơ cấu kinh tế năm đầu kỳ 2020: nông nghiệp 15,9%, công nghiệp - xây dựng 41,9%, dịch vụ 42,2% [↑](#footnote-ref-2)
3. Đối với kinh phí thực hiện năm 2025 đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phân bổ tại Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 17/4/2025 [↑](#footnote-ref-3)
4. Nội dung này tại Nghị quyết số 96 quy định hỗ trợ 30% chi phí nhưng không quá 500 triệu đồng/mô hình. [↑](#footnote-ref-4)